

Số: 03 /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND thành phố ban hành quy định về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình thủ tục, bầu, từ chức, miễn nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 133/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND thành phố thông qua Đề án sắp xếp, nâng cao chất lượng người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 38/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 của UBND thành phố ban hành quy định về quản lý cán bộ, công chức phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Bổ sung Điểm c, Khoản 1, Điều 3 như sau:

“c) Số lượng từng chức danh cán bộ, công chức phường, xã cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này. Trong trường hợp xuất phát từ nhu cầu công tác quản lý và bố trí nhân sự tại phường, xã, Chủ tịch UBND quận, huyện xây dựng phương án điều chỉnh số lượng từng chức danh công chức phường, xã nhưng không vượt quá tổng số cán bộ, công chức theo đơn vị hành chính; gửi về Sở Nội vụ thẩm định báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét cho ý kiến để thực hiện”.

2. Sửa đổi Điểm c, Khoản 3, Điều 3 như sau:

“c) Trường hợp tăng số lượng Phó bí thư Đảng ủy để thực hiện chủ trương Phó bí thư tăng thêm thì phải đảm bảo không vượt quá số lượng tối đa theo quy định tại Phụ lục I kèm theo và phải có ý kiến của Ban Tổ chức Thành ủy, đồng thời gửi Sở Nội vụ thẩm định báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét cho ý kiến để thực hiện”.

3. Sửa đổi quy định về tuổi bổ nhiệm lần đầu đối với Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường, xã tại Điểm a, Khoản 2, Điều 4 như sau:

“- Về tuổi: Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 45 tuổi; trường hợp đã kinh qua chức danh Phó bí thư Đảng ủy phường, xã; Phó chủ tịch HĐND phường, xã và Phó chủ tịch UBND phường, xã thì tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 50 tuổi”.

4. Sửa đổi quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐND phường, xã; Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND phường, xã tái cử tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 như sau:

“- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, c, Khoản 3, Điều 5 như sau:

“b) Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: chuyên ngành quân sự cơ sở, luật.

c) Đối với chức danh Văn phòng - Thống kê: bổ sung nhóm ngành kinh tế”.

6. Sửa đổi Khoản 2, 3, Điều 15 như sau:

“2. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, quyết định điều động cán bộ, công chức phường, xã thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực của thành phố; học viên Đề án đào tạo nguồn cán bộ cho chức danh Bí thư, Chủ tịch UBND phường, xã (Đề án 89) ra ngoài thành phố.

3. Chủ tịch UBND thành phố ủy quyền Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã từ tỉnh, thành phố khác đến thành phố Đà Nẵng”.

7. Sửa đổi Điều 17 như sau:

“Điều 17. Xét chuyển, điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức thuộc biên chế Quận, Huyện ủy; UBND quận, huyện về bố trí chức danh cán bộ, công chức phường, xã và ngược lại; bố trí sang chức danh công chức cấp xã khác

1. Trước khi ban hành quyết định xét chuyển cán bộ, công chức phường, xã thành biên chế Quận, Huyện ủy trở lên phải có văn bản thông báo cho Chủ tịch UBND quận, huyện, phường, xã để chuẩn bị nhân sự thay thế.

2. Trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của Ban Tổ chức Thành ủy, Chủ tịch UBND quận, huyện quyết định tiếp nhận, bố trí cán bộ, công chức thuộc biên chế Quận, Huyện ủy đảm nhận chức danh cán bộ, công chức phường, xã. Trình tự, thủ tục bầu các chức danh UBND phường, xã thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quy định số lượng Phó Chủ tịch UBND và quy trình thủ tục, bầu, từ chức, miễn nhiệm, điều động, cách chức thành viên UBND.

3. Cán bộ, công chức phường, xã do nhu cầu công tác cán bộ được cấp có thẩm quyền điều động về quận, huyện thì điều kiện, tiêu chuẩn, trình độ, thẩm quyền và thủ tục để xét chuyển cán bộ, công chức phường, xã thành công chức quận, huyện thực hiện theo quy định hiện hành của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Thành ủy và UBND thành phố Đà Nẵng.

4. Các trường hợp đã là công chức hành chính quận, huyện trong diện quy hoạch được điều động, luân chuyển về công tác tại phường, xã; do nhu cầu công tác cán bộ thì Quận, Huyện ủy ban hành quyết định điều động về lại Quận, Huyện ủy sau khi có ý kiến bằng văn bản của Ban Tổ chức Thành ủy; Chủ tịch UBND quận, huyện ban hành quyết định điều động về lại UBND quận, huyện sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Nội vụ.

5. Chủ tịch UBND quận, huyện ban hành quyết định điều động, luân chuyển cán bộ, công chức quận, huyện về công tác tại phường, xã theo yêu cầu công tác, thông báo về Sở Nội vụ để theo dõi.

6. Công chức phường, xã được tuyển dụng nhưng do nhu cầu thực tiễn công tác phải bố trí sang chức danh công chức phường, xã khác thì Chủ tịch

UBND quận, huyện quyết định điều động, bố trí sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ về số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn về chuyên ngành đào tạo.

7. Công chức phường, xã được bầu cử để đảm nhận các chức danh cán bộ phường, xã, sau khi có quyết định phê chuẩn hoặc chuẩn y theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch UBND phường, xã gửi Chủ tịch UBND quận, huyện (thông qua Phòng Nội vụ để quản lý).

8. Việc tiếp nhận, bố trí chức danh cán bộ, công chức phường, xã đảm bảo không vượt định mức số lượng cán bộ, công chức phường, xã theo loại đơn vị hành chính, có tiêu chuẩn phù hợp theo quy định”.

8. Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 30 như sau:

“d) Hướng dẫn cụ thể số lượng từng chức danh công chức phường, xã. Trong trường hợp xuất phát từ nhu cầu công tác quản lý và bố trí nhân sự tại phường, xã thì báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét điều chỉnh số lượng từng chức danh công chức phường, xã”.

9. Sửa đổi quy định về thẩm quyền điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến tại Điểm g, Khoản 2, Điều 30 như sau:

“- Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện xem xét, quyết định điều động cán bộ, công chức phường, xã thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực của thành phố, học viên Đề án đào tạo nguồn cán bộ cho chức danh Bí thư, Chủ tịch UBND phường, xã (Đề án 89) ra ngoài thành phố và tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã từ tỉnh, thành phố khác đến thành phố Đà Nẵng”.

10. Bổ sung Điểm h, i, Khoản 2, Điều 30 như sau:

“h) Có ý kiến bằng văn bản trước khi Chủ tịch UBND quận, huyện giải quyết thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp đang công tác tại phường, xã thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực của thành phố, học viên Đề án đào tạo nguồn cán bộ cho chức danh Bí thư, Chủ tịch UBND phường, xã (Đề án 89).

i) Phê duyệt kết quả xét tuyển đặc cách cán bộ, công chức phường, xã thành viên chức tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND quận, huyện”.

11. Bổ sung Khoản 12, 13, Điều 31 như sau:

“12. Quyết định điều động, tiếp nhận cán bộ, công chức phường, xã ra ngoài thành phố và từ tỉnh, thành phố khác đến.

13. Quyết định thôi việc đối với cán bộ, công chức phường, xã.

Có ý kiến bằng văn bản trước khi UBND phường, xã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp hợp đồng đảm nhận chức danh công chức phường, xã”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2016 của UBND thành phố ban hành quy định về chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và

quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi Khoản 2, Điều 3 như sau:

“2. Chức danh, nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách phường, xã thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này. Trong trường hợp xuất phát từ nhu cầu công tác quản lý và bố trí nhân sự tại phường, xã, Chủ tịch UBND quận, huyện xây dựng phương án điều chỉnh số lượng từng chức danh người hoạt động không chuyên trách phường, xã nhưng phải đảm bảo bố trí đầy đủ các chức danh theo quy định và không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách theo đơn vị hành chính; gửi về Sở Nội vụ thẩm định, cho ý kiến để thực hiện”.

2. Sửa đổi Điểm e, Khoản 2, Điều 6 như sau:

“e) Chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch UBND quận, huyện ban hành văn bản thông báo kết quả trúng tuyển, Chủ tịch UBND phường, xã phải tiến hành ký kết hợp đồng lao động tại chức danh không chuyên trách đăng ký tuyển chọn đối với người trúng tuyển”.

3. Bãi bỏ Điểm h, Khoản 2, Điều 6.

4. Sửa đổi Khoản 1, Điều 14 như sau:

“1. Xây dựng quy chế, thực hiện quy trình tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động đối với người hoạt động không chuyên trách phường, xã; xây dựng quy chế làm việc của người hoạt động không chuyên trách phường, xã”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2018.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các quận, huyện, phường, xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố, các Ban HĐND thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy;
- UBMTTQVN thành phố;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố;
- Quận ủy, Huyện ủy;
- UBND các quận, huyện;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Báo Đà Nẵng;
- Lưu: VT, SNV.

130



Huỳnh Đức Thơ

Phụ lục I

DANH MỤC SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC PHƯỜNG, XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2018/QĐ-UBND

ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Chức vụ, chức danh	Phường, xã loại 1	Phường, xã loại 2
1	Bí thư Đảng ủy (có thể bổ trí kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân)	1	1
2	Phó Bí thư Đảng ủy ¹ (có thể bổ trí kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân)	1	1
3	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	1	1
4	Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1	1
5	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	2	1
6	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1	1
7	Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1
8	Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1	1
9	Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam ²	1	1
10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1
11	Trưởng Công an ³	1	1
12	Chỉ huy trưởng Quân sự	1	1
13	Văn phòng - Thống kê (tính cả công chức phụ trách bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)	3	3
14	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã)	3	2
15	Tài chính - Kế toán	2	2
16	Tư pháp - Hộ tịch	2	2
17	Văn hóa - Xã hội	2	2
Tổng cộng		25	23

¹ Trường hợp bổ trí Phó bí thư tăng thêm thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định này.

² Chỉ áp dụng đối với cấp xã có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam.

³ Phường không bổ trí chức danh này.

Phụ lục II
CHỨC DANH, NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH PHƯỜNG, XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Số TT	Chức danh	Số lượng bố trí tối đa theo phân loại đơn vị hành chính phường, xã		Nhiệm vụ
		Loại 1	Loại 2	
Khối Đảng				
1	Phụ trách công tác tuyên giáo, dân vận Đảng ủy	1	1	Tham mưu Đảng ủy phường, xã thực hiện công tác tuyên giáo, dân vận theo Điều lệ Đảng, quy định và hướng dẫn của cơ quan Đảng cấp trên.
2	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra (hoặc Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra nếu Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy phường, xã làm Chủ nhiệm)	1	1	Tham mưu Đảng ủy phường, xã thực hiện công tác kiểm tra Đảng ủy theo Điều lệ Đảng, quy định và hướng dẫn của cơ quan Đảng cấp trên.
3	Phụ trách công tác tổ chức, văn phòng Đảng ủy	1	1	Tham mưu Đảng ủy phường, xã thực hiện công tác tổ chức, văn phòng Đảng ủy theo Điều lệ Đảng, quy định và hướng dẫn của cơ quan Đảng cấp trên.



Khối Mặt trận, hội, đoàn thể				
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	2	2	Giúp Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy định và hướng dẫn của cơ quan Mặt trận cấp trên.
5	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	Giúp Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ phường, xã triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, quy định và hướng dẫn của cơ quan Hội cấp trên.
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	Giúp Chủ tịch Hội Nông dân phường, xã triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và quy định, hướng dẫn của cơ quan Hội cấp trên.
7	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	Giúp Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh phường, xã triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, quy định và hướng dẫn của cơ quan Hội cấp trên.
8	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1	1	Giúp Bí thư Đoàn Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, quy định và hướng dẫn của cơ quan Đoàn cấp trên.
9	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1	1	Triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Hội Người cao tuổi, quy định và hướng dẫn của cơ quan Hội cấp trên.
10	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1	1	Triển khai nhiệm vụ theo Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, quy định và hướng dẫn của cơ quan Hội cấp trên.

11	Trưởng Ban Thanh tra nhân dân	1	1	Thực hiện các nhiệm vụ thanh tra nhân dân và giám sát đầu tư cộng đồng tại phường, xã theo quy định hiện hành.
Khối công an, quân sự				
12	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự	2	2	Giúp Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự phường, xã triển khai các nhiệm vụ quân sự tại phường, xã theo quy định pháp luật hiện hành.
13	Phó Trưởng công an xã	2	2	Giúp Trưởng Công an xã triển khai các nhiệm vụ an ninh, trật tự tại xã theo quy định pháp luật hiện hành.
Khối chính quyền				
14	Phụ trách công tác xã hội	2	2	Tùy tình hình địa phương, Chủ tịch UBND phường, xã phân công thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, thực hiện và chi trả các chế độ đối với người hưởng chính sách xã hội và chính sách người có công; - Theo dõi, báo cáo tình hình, thực hiện các giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội tại phường, xã; - Thực hiện các nhiệm vụ về chăm sóc, bảo vệ trẻ em tại phường, xã; - Hỗ trợ thực hiện các hoạt động bảo trợ xã hội và chương trình xóa đói, giảm nghèo tại phường, xã. - Các nhiệm vụ khác (nếu có).

15	Phụ trách công tác văn hóa - thể thao	1	1	<p>Tùy tình hình địa phương, Chủ tịch UBND phường, xã phân công thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, theo dõi và báo cáo hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, xã hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng phường, xã; - Thực hiện các nhiệm vụ về gia đình, văn hóa, thông tin, truyền thông về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương; - Tổ chức thực hiện việc xây dựng đời sống văn hóa ở cộng đồng dân cư và xây dựng gia đình văn hóa trên địa bàn phường, xã.
16	Phụ trách công tác thủ quỹ, lưu trữ	1	1	Thực hiện các nhiệm vụ về thủ quỹ, lưu trữ tại phường, xã.
17	Phụ trách công tác văn thư	1	1	Thực hiện các nhiệm vụ văn thư tại phường, xã.
18	Phụ trách công tác văn phòng HĐND, UBND	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu giúp Chủ tịch UBND phường, xã công tác nội vụ tại phường, xã; quản lý tổ dân phố, thôn, công tác tôn giáo trên địa bàn phường, xã. - Tùy tình hình thực tế tại địa phương, giúp chủ tịch HĐND phường, xã thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến công tác hành chính, tổng hợp của HĐND, UBND phường, xã; phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin tại phường, xã.
Số lượng tối đa		22	20	